

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc sở, ban, ngành và
Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về
việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính
nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018
của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công
chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế
độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị
sự nghiệp công lập;*

*Thực hiện Công văn số 6661/BNV-TCBC ngày 31/12/2019 của Bộ Nội vụ
về việc cho ý kiến đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Tây Ninh năm 2020 và năm
2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 438/TTr-SNV ngày
29 tháng 6 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố năm 2021 (có bảng chi tiết kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có trách nhiệm thực hiện hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính theo đúng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức,

viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Đối với người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) dôi dư sau sắp xếp thì thực hiện giải quyết chế độ theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó có cả việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ (nếu đủ điều kiện).

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các ngành chức năng có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, PNC;
- Lưu: VT, SNV, VP UBND tỉnh.

K. Quý 20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐỖ CHỮ TỊCH



Võ Đức Trọng

**GIAO CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP
(ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP)
CHỖ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Ghi chú
	<u>Tổng số</u>	<u>259</u>	
I	Cấp tỉnh	155	Giảm 12
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	4	Giảm 01
2	Sở Y tế	10	Giảm 01
	<i>Văn phòng Sở</i>	4	Giảm 01
	<i>Chi cục dân số - kế hoạch hóa gia đình</i>	3	Giữ nguyên
	<i>Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm</i>	3	Giữ nguyên
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	26	Tăng 01
	<i>Văn phòng Sở</i>	6	Giữ nguyên
	<i>Chi cục kiểm lâm</i>	13	Tăng 02
	<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>	2	Giảm 01
	<i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</i>	3	Giữ nguyên
	<i>Chi cục Thủy lợi</i>	2	Giữ nguyên
4	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	5	Giữ nguyên
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	Giảm 01
6	Sở Xây dựng	9	Giảm 01
	<i>Văn phòng Sở</i>	4	Giảm 01
	<i>Thanh tra Xây dựng</i>	2	Giữ nguyên
	<i>Nhà khách công vụ</i>	3	Giữ nguyên
7	Sở Khoa học và Công nghệ	6	Giảm 02

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Ghi chú
	<i>Văn phòng Sở</i>	4	Giảm 01
	<i>Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng</i>	2	Giữ nguyên
8	Sở Tư pháp	4	Giảm 01
9	Sở Tài chính	4	Giảm 01
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	6	Giữ nguyên
11	Sở Giao thông vận tải	11	Giảm 01
	<i>Văn phòng Sở</i>	4	Giảm 01
	<i>Ban An toàn Giao thông tỉnh</i>	2	Giữ nguyên
	<i>Thanh tra Sở</i>	5	Giữ nguyên
12	Sở Công Thương	4	Giảm 01
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	6	Giữ nguyên
14	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân	12	Giữ nguyên
15	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh	19	Tăng 02
	<i>Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh</i>	13	Giữ nguyên
	<i>Ban Tiếp công dân tỉnh</i>	2	Giữ nguyên
	<i>Trung tâm Phục vụ Hành chính công</i>	4	Tăng 02
15	Sở Nội vụ	9	Giảm 02
	<i>Văn phòng Sở</i>	5	Giữ nguyên
	<i>Ban Thi đua - Khen thưởng</i>	2	Giảm 01
	<i>Ban Tôn giáo</i>	2	Giảm 01
16	Sở Thông tin và Truyền thông	4	Giảm 01

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Ghi chú
17	Sở Ngoại vụ	4	Giảm 01
18	Thanh tra tỉnh	4	Giảm 01
19	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	4	Giảm 01
II	Cấp huyện	104	Tăng 12
1	Thị xã Trảng Bàng	12	Tăng 01
2	Huyện Gò Dầu	11	Tăng 01
3	Thị xã Hòa Thành	11	Giữ nguyên
4	Thành phố Tây Ninh	12	Tăng 01
5	Huyện Châu Thành	12	Tăng 01
6	Huyện Tân Biên	11	Tăng 02
7	Huyện Tân Châu	14	Tăng 04
8	Huyện Dương Minh Châu	9	Tăng 01
9	Huyện Bến Cầu	12	Tăng 01

